

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA  
“FMC”

\*\*\*

CẬP NHẬT ĐẾN 22/04/2011

## MỤC LỤC

	Trang
1. Lịch sử hoạt động của công ty .....	02
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị .....	05
3. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc .....	06
4. Báo cáo tài chính .....	10
5. Bảng giải trình Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán .....	10
6. Các công ty có liên quan .....	10
7. Tổ chức và nhân sự .....	10
8. Thông tin cổ đông và quản trị công ty .....	20
9. Các phụ lục (Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010) .....	27
- <i>Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</i>	
- <i>Báo cáo kiểm toán</i>	
- <i>Bảng cân đối kế toán</i>	
- <i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
- <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	
- <i>Thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	

0.220  
CÔ  
CỔ  
THỰ  
SA  
L.C TRẦN

## I. Lịch sử hoạt động của Công ty :

### 1. Những sự kiện quan trọng:

#### + Việc thành lập:

Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước tên gọi Công ty thực phẩm xuất nhập khẩu Sóc Trăng đi vào hoạt động ngày 3 tháng 2 năm 1996 với vốn ban đầu 21 tỷ đồng từ ban Tài chánh quản trị Tỉnh ủy Sóc Trăng đầu tư , chuyên chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu . Nay Công ty đang hoạt động theo địa chỉ sau:

- Tên công ty:
- Tên tiếng Anh :
- Tên viết tắt:
- Biểu tượng công ty:

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA  
SAO TA FOODS JOINT STOCK COMPANY  
FIMEX VN**



- Vốn điều lệ: **80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn)**
- Mã chứng khoán: **FMC**
- Trụ sở chính : **Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng,  
Tỉnh Sóc Trăng.**
- Điện thoại : **(079)3822223 – 3822201; Fax: (079) 3822122 – 3825665**
- Website: **[www.fimexvn.com](http://www.fimexvn.com) ; Email: [fimexvn@vnn.vn](mailto:fimexvn@vnn.vn)**
- Giấy CNĐKKD: Số 2200208753 (Số cũ 5903000012 đăng ký lần đầu 19/12/2002, số mới 2200208753 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/11/2010 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp).

#### • Các chi nhánh trực thuộc:

##### 1) Xí nghiệp thủy sản Sao Ta

Địa chỉ : Số 89 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

##### 2) Xí nghiệp thủy sản Nam An

Địa chỉ : Số 95 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

##### 3) Nhà máy thực phẩm An San

Địa chỉ : Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Tỉnh Sóc Trăng

#### + Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

208753  
NG TY  
PHẦN  
PHẨM  
OTA  
G-T.SÓC

Ngày 09/10/2002, Ủy ban nhân dân Tỉnh Sóc Trăng có quyết định số 346/QĐ.TCCB.02 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng từ loại hình doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Ngày 1 tháng 1 năm 2003 Công ty chính thức chuyển thành cổ phần với tên công ty là : Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN), hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19/12/2002 với vốn điều lệ 104 tỷ đồng , trong đó nhà nước giữ 77% sở hữu . Ngày 22 tháng 11 năm 2003 Công ty rút vốn điều lệ xuống 60 tỷ, phần vốn nhà nước còn 60 %. Ngày 09 tháng 08 năm 2005 Công ty làm đấu giá 11 % vốn điều lệ để giảm phần vốn nhà nước còn 49%. Ngày 22 tháng 06 năm 2006 tại trung tâm giao dịch chứng khoán TP HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM) Công ty tiếp tục đấu giá bán 16 tỉ đồng vốn sở hữu nhà nước . Trong năm 2007, công ty lại tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 79 tỷ đồng thông qua việc thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thưởng cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của công ty và phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược. Thực hiện theo Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ, để đáp ứng điều kiện vốn điều lệ tối thiểu 80 tỷ đồng đúng theo quy định để cổ phiếu FMC được tiếp tục niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), đến tháng 02/2009 công ty phát hành xong thêm 1 tỷ đồng cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 17,25%.

+ Niệm yết:

Ngày 7 tháng 12 năm 2006 cổ phiếu Công ty được niêm yết lần đầu trên sàn giao dịch chứng khoán TP HCM với tên FMC với lượng 6 triệu cổ phiếu , trong đó phần nhà nước chiếm giữ 20% .

Ngày 20/07/2007, Công ty tiếp tục niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu là 900.000 cổ phiếu.

Ngày 21/05/2008, cổ phiếu FMC chính thức được niêm yết bổ sung thêm 1.000.000 cổ phiếu theo công văn chấp thuận số 447/TB-SGDHCM ngày 19/05/2008 của HOSE, nâng tổng số lượng cổ phiếu FMC được niêm yết tại HOSE là 7.900.000 cổ phiếu.

Tháng 05/2009, cổ phiếu FMC chính thức niêm yết bổ sung 100.000 cổ phiếu, nâng tổng số 8.000.000 cổ phiếu được niêm yết tại HOSE, đáp ứng đủ điều kiện vốn điều lệ 80 tỷ đồng và tiếp tục niêm yết tại HOSE theo quy định của Luật Chứng khoán.

+ Các sự kiện khác:

Tương tự như năm 2008, năm 2009 công ty tiếp tục mua 497.630 cổ phiếu quỹ để bình ổn giá cổ phiếu FMC, nâng số lượng cổ phiếu quỹ hiện thời của công ty là 800.000 cổ phiếu, đạt 10% vốn điều lệ.

Trong suốt năm 2010 và Quý 1/2011, công ty đã nhiều lần thực hiện đăng ký bán hết số lượng cổ phiếu quỹ để có nguồn phục vụ vốn cho hoạt động sản xuất kinh

doanh. Tuy nhiên do giá cổ phiếu FMC trên thị trường chứng khoán không đạt theo yêu cầu mong đợi, chỉ thực hiện bán được số lượng cổ phiếu quỹ là 22.630 CP. Do đó, số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của công ty là 777.370 CP.

## 2. Quá trình phát triển:

### + Ngành nghề kinh doanh:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến .
- Nuôi trồng thủy sản .
- Mua bán lương thực , thực phẩm , nông sản sơ chế .
- Kinh doanh bất động sản .
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn , ăn uống .
- Gieo trồng, sản xuất, xuất khẩu và tiêu thụ nội địa hàng nông sản.

### + Tình hình hoạt động :

Qua thời gian hoạt động từ năm 1996 đến nay Công ty làm ăn đều tốt, có lãi. Ngay năm hoạt động thứ 2 Công ty đã thu hồi vốn đầu tư ban đầu và đứng vào tốp 5 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu tôm lớn nhất nước kéo dài đến 2005. Nhiều năm liền Công ty dẫn đầu cả nước về lượng tôm tinh chế xuất vào Nhật Bản .

Về mặt uy tín thương hiệu và hiệu quả sản xuất kinh doanh : Công ty nằm trong tốp dẫn đầu, thể hiện 8 năm liền 1997-2004 và năm 2006 Công ty được Chính phủ tặng thưởng Cờ Thi đua .

## 3. Định hướng phát triển:

### + Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- *Mục tiêu chiến lược : Góp phần ngày càng đáng kể trong chuỗi giá trị tạo ra nguồn thực phẩm ngon , bổ dưỡng ; tác động kích thích các khâu có liên quan như nuôi , gieo trồng , khai thác , bảo quản sau thu hoạch, dịch vụ. làm tăng việc làm , tăng của cải xã hội .*
- *Mục tiêu cụ thể : Giữ vững uy tín thương hiệu , chất lượng sản phẩm, mở rộng sản xuất chiều rộng lẫn chiều sâu , chủng loại sản phẩm nhằm đạt mức tăng trưởng 10-20% năm dài hạn , đứng trong tốp 5 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu nông thủy sản lớn nhất nước .*

### + Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- *Đa dạng hóa sản phẩm từ nguyên liệu thủy sản và nông sản trên nền tảng tìm hiểu khả năng cung cấp các mặt hàng cụ thể trên thị trường thế giới kết hợp với thế mạnh về đất đai, lao động của địa phương,*

- Từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ, hết sức chú trọng về chiều sâu, các mặt hàng tinh chế nhằm tăng thế mạnh cạnh tranh, doanh số, lợi nhuận.
- Việc tổ chức nuôi, trồng, chế biến có chọn lọc và tổ chức trên nền tảng hạn chế tối đa gây tổn hại môi trường và lợi ích cộng đồng.

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

Năm 2010 đánh dấu sự đột phá việc đưa ra chính sách lớn về lao động, về đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng, máy móc thiết bị đem lại hiệu quả cho việc tiết kiệm chi phí cao, nâng cao năng suất chế biến, đặc biệt năng suất lao động ở những tháng cao vụ đạt cao nhất trong 15 năm hoạt động của công ty. Mặt khác, trong điều kiện cạnh tranh gay gắt về giá nguyên liệu, Ban Lãnh đạo công ty rất linh động trong việc nỗ lực tìm kiếm thị trường, khách hàng, mặt hàng để có đầu ra tốt hơn, đẩy mạnh doanh số tiêu thụ trong năm tăng hơn 50% so năm 2009.

Những nét nổi bật nêu trên là yếu tố tác động nguyên nhân chủ yếu làm tăng lợi nhuận năm 2010.

### 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	%
Doanh thu tiêu thụ	1.050	1.477	140,67
Lợi nhuận trước thuế	20	25,58	127,90
Tỷ lệ cổ tức chia bằng tiền mặt	20%	23%	115,00

### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2009 diễn ra ngày 16/04/2010, đại hội đã thống nhất số thành viên trong Hội đồng quản trị (HĐQT) còn 05 thành viên và bầu trúng cử 04 thành viên có tên sau:

- |                        |              |
|------------------------|--------------|
| 1/ Ông Hồ Quốc Lực     | Chủ tịch     |
| 2/ Ông Phạm Hoàng Việt | Phó Chủ tịch |
| 3/ Ông Tô Minh Chẳng   | Thành viên   |
| 4/ Ông Đinh Văn Thới   | Thành viên.  |

Đến tháng 08/2010, HĐQT thống nhất bổ sung thêm 01 thành viên là Ông Mã Ích Hưng - Phó Tổng giám đốc. Việc bổ sung này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 diễn ra ngày 22/04/2011 thống nhất thông qua.

### 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Trên nền tảng nhà xưởng, máy móc thiết bị đã được cải tạo, tu bổ nâng cấp, đồng thời với việc đầu tư hoàn thành kho lạnh 4.000 tấn, trong năm 2011, công ty còn tiếp tục tu bổ, trang bị thêm máy móc thiết bị mới đem lại hiệu quả cao trong

việc tiết kiệm chi phí, tăng năng suất, năng lực chế biến. Qua đó tiếp tục duy trì và phát huy uy tín thương hiệu của một doanh nghiệp giàu kinh nghiệm sản xuất mặt hàng tinh chế, đáp ứng yêu cầu thỏa mãn khách hàng ngày càng cao. Từ đó tạo đà phát triển, tăng cường khả năng cạnh tranh cho những năm về sau.

### **III. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc**

#### **1. Báo cáo tình hình tài chính**

1.1 Các chỉ tiêu phân tích Báo cáo tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,07	1,13
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,73	0,41
+ Hệ số thanh toán tức thời	Lần	0,60	0,12
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	75,93	66,89
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	315,60	202,06
<b>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,49	1,82
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	9,31	16,12
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,24	5,34
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,66	1,66
<b>4. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần</b>			
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.890	3.717

*Nguồn:* Báo cáo tài chính năm 2009, 2010 đã được kiểm toán.

1.2. Giá trị sổ sách (tổng tài sản) tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo là: **501.973.245.477 đồng.**

1.3.. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 25/03/2011 :

02/2010  
CÔNG  
CỔ PHẦN  
THỰC SẢN  
TRẮNG

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Số tiền theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước	1	1.380.000	13.800.000.000	17,25
2. Cổ đông là pháp nhân	18	2.159.820	21.598.200.000	27,00
3. Cổ đông là cá nhân	1.132	4.460.180	44.601.800.000	55,75
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.151</b>	<b>8.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trong đó:

- 1.3.1 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 7.222.630 Cổ phần
- 1.3.2 Số cổ phiếu đã niêm yết : 8.000.000 Cổ phần
- 1.3.3 Số cổ phiếu chưa niêm yết : 0 Cổ phần
- 1.3.4 Số lượng cổ phiếu quỹ : 777.370 Cổ phần

1.4. Cổ tức: 23% trên mệnh giá cổ phiếu trả bằng tiền mặt

## **2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

### **2.1 Khó khăn:**

- Thiếu lao động trầm trọng, nhất là khi tôm vào vụ.
- Vụ tôm chính có hai lượt tôm bị bệnh khiến sản lượng tôm nuôi sụt giảm.
- Tôm nuôi có dư lượng hoá chất quá mức cho phép của thị trường nhập khẩu khiến một số lô hàng bị trả về gây thiệt hại cho Công ty.
- Cuối vụ tôm nguyên liệu bị bơm ngâm tạp chất khiến Công ty không thể mua được lượng nguyên liệu theo tính toán.

### **2.2 Thuận lợi:**

- Công ty đã cải tạo xong một bước nhà xưởng, đã cải tạo, trang bị một bước các thiết bị cấp đông khá tiên tiến nâng cao sản lượng cấp đông.
- Công ty đã chuẩn bị tinh thần lẫn kiến thức cho đội ngũ lao động.
- Tình hình tài chính lành mạnh.

### **2.3 Về nông sản :**

Nhà máy An san ra đời trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái nên việc tiêu thụ không được sáng sủa, nhưng nhìn ở góc độ tích cực đây cũng là thuận lợi, cho phép chúng ta làm chậm để có thời gian tự kiểm lại việc làm cũng như rút kinh nghiệm cho hoạt động tương lai tốt hơn.

### **2.4 Sứ nỗ lực của Ban điều hành và công sứ:**

Ngay từ đầu năm Ban lãnh đạo đã bắt tay ngay vào việc tìm kiếm thị trường, khách hàng thông qua tham dự các Hội chợ thủy sản lớn trên thế giới.

Khâu nguyên liệu cũng được coi trọng thông qua việc hợp tác với người nuôi để nhằm tăng lượng nguyên liệu an toàn, có nguồn gốc rõ ràng, tạo lòng tin với khách hàng.

Về lao động, Công ty có giải pháp tính lương sản phẩm lũy tiến kích thích người lao động tăng năng suất và tận dụng những ngày nghỉ theo chế độ, nhờ đó Công ty đã đạt sản lượng chế biến ở những tháng cao điểm cao nhất trong 15 năm hoạt động của mình.

Nhìn chung trong cả năm 2010 Công ty đã làm được nhiều hơn mong đợi. Đó là sản lượng tăng, là doanh số vượt chỉ tiêu, là lợi nhuận tăng đáng kể. Hơn nữa Công ty đã tạo nền tảng tốt cho các năm về sau là có thêm khách hàng tốt, tiềm năng; là có cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp, có lực lượng lao động gắn bó hơn thông qua những chính sách Công ty đã thực hiện trong năm như tăng thu nhập, tăng phúc lợi, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện lao động...

#### 2.5 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2009	TH 2010	%
01	Nguyên liệu thu mua				
	- Tôm	Tấn	7.469	8.782	117,57
	- Nông sản	Tấn	2.337	1.356	58,02
02	Mua tôm thành phẩm	Tấn	713	228	31,98
03	Thành phẩm chế biến				
	- Tôm	Tấn	6.516	7.460	114,49
	- Nông sản	Tấn	1.247	867	69,53
04	Sản lượng tiêu thụ				
	- Tôm	Tấn	5.609	6.390	113,92
	- Nông sản	Tấn	876	1.050	119,86
05	Kim ngạch xuất khẩu		52	74,44	143,15
	- Tôm	Tr USD	50,60	72,60	143,48
	- Nông sản	Tr USD	1,40	1,84	131,43
06	Tổng doanh thu	Tỉ đồng	940	1.477	157,13
07	Lợi nhuận trước thuế	Tỉ đồng	15,7	25,6	163,06

Nguyên nhân đạt được lợi nhuận 2010 được nêu tại Khoảng 1, Mục II.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

##### 1) Tình hình chung:

Tại Sóc Trăng và các tỉnh lân cận sẽ ra đời thêm khá nhiều nhà máy chế biến mới, công suất lớn ngay trong năm 2011. Tuy nhiên Công ty nhận định năm 2011 sẽ



bùng nổ về tôm nguyên liệu nếu thời tiết thuận lợi. Đây là cơ hội kinh doanh, nên Công ty sẽ phấn đấu nâng cao sản lượng tôm chế biến của mình. Kho trữ lạnh 4.000 tấn Công ty hoàn chỉnh trong tháng 1 năm 2011 sẽ là điều kiện thuận lợi để Công ty trữ hàng lúc vụ, tôm giá rẻ. Tuy nhiên một thách thức vô cùng lớn lao cho hoạt động chung là tình hình ngư dân sử dụng kháng sinh, hóa chất trong nuôi tôm sẽ là một nguy cơ bùng phát bất kỳ lúc nào.

2) Chỉ tiêu phấn đấu:

- Thành phẩm chế biến: 8.500 tấn tăng 14% so năm 2010.
- Thành phẩm tôm tiêu thụ: 7.500 tấn, tăng 17% so năm 2010.
- Thành phẩm nông sản tiêu thụ: 1.200 tấn, tăng 14% so năm 2010.
- Doanh số tiêu thụ chung: 1.680 tỷ đồng, tăng 13% so năm 2010.
- Lợi nhuận trước thuế: ít nhất 30 tỷ đồng, tăng ít nhất 17% so năm 2.010.
- Khẳng định được mặt hàng thủy sản chiến lược bổ sung là các mặt hàng tinh chế tôm chiên, tôm hấp chín.
- Cố tức trả bằng tiền mặt: Ít nhất 25% nếu không tăng vốn điều lệ, ít nhất 20% nếu tăng vốn điều lệ.

3) Hệ thống giải pháp:

3.1/ Sao Ta:

- Hết sức coi trọng khâu vệ sinh an toàn thực phẩm ngay từ người nuôi tôm.
- Tập trung vào việc tìm kiếm khách hàng cho mặt hàng tinh chế mới nhằm tăng năng lực cạnh tranh và đồng lời.
- Có kế hoạch trữ hàng lúc cao điểm nhằm đáp ứng nguyên liệu lúc hết vụ.
- Đầu tư thêm một thiết bị cấp đông siêu tốc để tăng sản lượng tôm chế biến, một tủ cấp đông block để làm hàng dự trữ, một phòng chế biến tôm sushi để tăng sản lượng mặt hàng tinh chế này. Tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ lên 120 tỷ để có nguồn đầu tư mới.
- Chấn chỉnh hoạt động về lề lối làm việc, cải thiện điều kiện làm việc.
- Củng cố tổ chức chế biến nhằm tăng năng suất lao động.
- Chú trọng huấn luyện đội ngũ lao động làm giảm hao phí nguyên liệu.
- Coi trọng việc thực hành tiết kiệm mọi mặt.
- Coi trọng yếu tố hợp tác, đoàn kết trong nội bộ.
- Có giải pháp thu hút người lao động một cách cụ thể.

3.2/ An San :

- Tiếp tục thử nghiệm tìm hiểu loại nông sản gieo trồng, chế biến đạt hiệu quả tốt và bền vững.
- Chú trọng nghiên cứu mặt hàng phổi chế.
- Tham dự các hội chợ nông sản quốc tế, nỗ lực trong năm 2011 sản phẩm nhà máy tiêu thụ được ở Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc đồng thời mở rộng đầu mối tiêu thụ ở Nhật Bản.

#### IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán (*Xem phụ lục đính kèm*).

#### V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

##### 1. Kiểm toán độc lập

Tổ chức chịu trách nhiệm kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của công ty là: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ - TƯ VẤN – TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

- Địa chỉ : 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp.HCM

- Điện thoại : (08) 8205944 Fax: (08) 8205942

(*Xem chi tiết và ý kiến kiểm toán Báo cáo tài chính 2010 theo phụ lục đính kèm*)

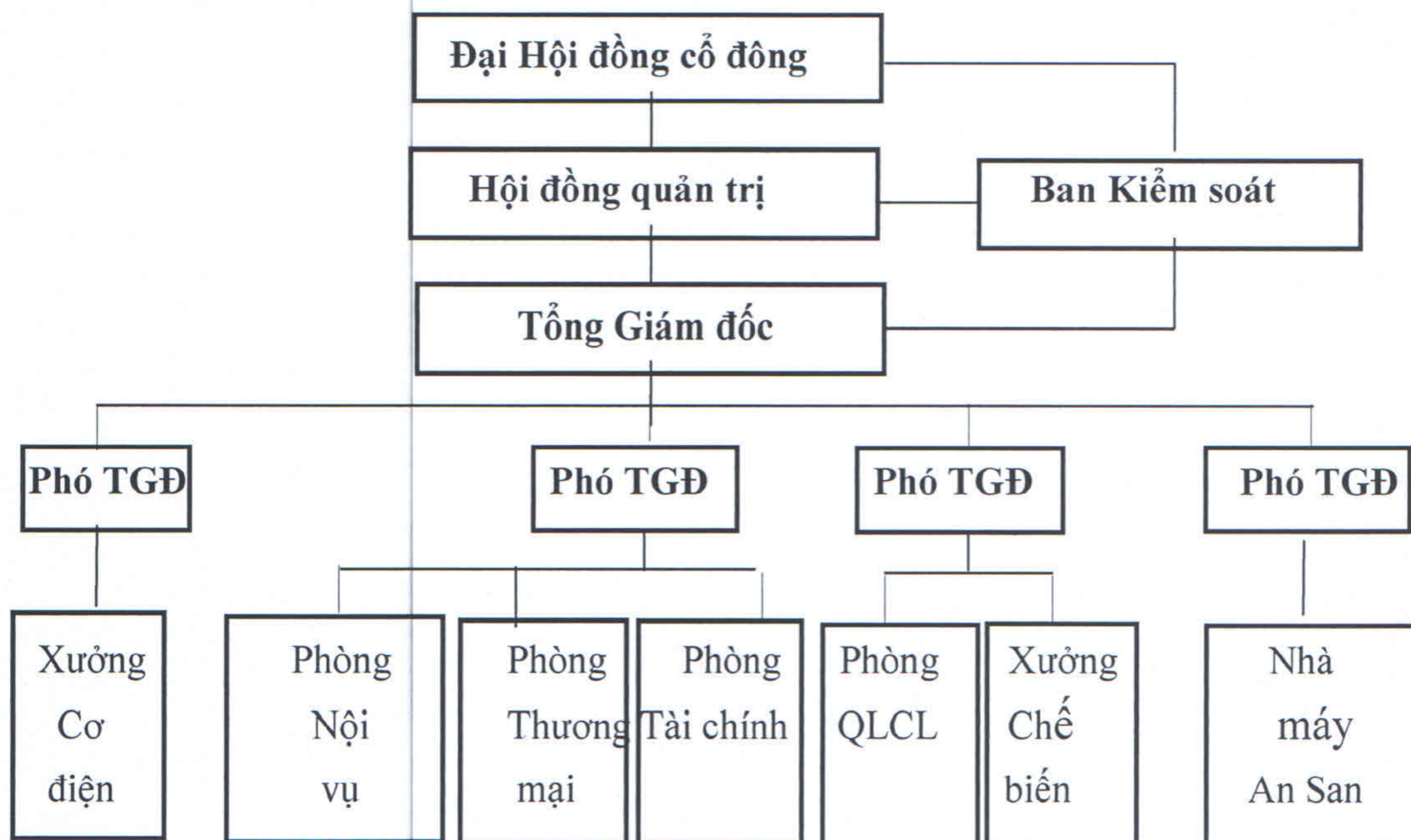
##### 2. Kiểm toán nội bộ: Không

#### VI. Các công ty có liên quan: Không

#### VII. Tổ chức và nhân sự

##### 1. Cơ cấu tổ chức của công ty

###### 1.1 . Sơ đồ tổ chức :



0:220  
CỘI  
CỔI  
HƯỚC  
SẮC  
TRĂNG

## 1.2. Ban lãnh đạo :

### - Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Quê quán	Chức vụ
1	Hồ Quốc Lực	Nam	1956	Tiến sĩ Kinh tế	Sóc Trăng	Chủ tịch
2	Phạm Hoàng Việt	Nam	1964	Cử nhân kinh tế	Cần Thơ	P.Chủ tịch
3	Tô Minh Chảng	Nam	1970	Cử nhân kinh tế	Sóc Trăng	Thành viên
4	Đinh Văn Thói	Nam	1962	Kỹ sư cơ khí	Sóc Trăng	Thành viên
5	Mã Ích Hưng <sup>1)</sup>	Nam	1970	Cử nhân kinh tế	Sóc Trăng	Thành viên

### - Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Quê quán	Chức vụ
1	Chung Thanh Tâm	Nam	1963	Cử nhân Kinh tế	Sóc Trăng	Trưởng ban
2	Lữ Thanh Phú	Nam	1971	Kỹ sư CBTS	Trà Vinh	Thành viên
3	Nguyễn Quốc Chiếm	Nam	1964	Cử nhân kinh tế	Sóc Trăng	Thành viên

### - Ban Tổng giám đốc :

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hồ Quốc Lực	Tổng Giám đốc	
2	Dương Ngọc Kim	P.Tổng Giám đốc	
3	Phạm Hoàng Việt	P.Tổng Giám đốc	
4	Mã Ích Hưng	P.Tổng Giám đốc	
5	Đinh Văn Thói	P.Tổng Giám đốc	Từ 01/04/2010 đến nay

## 2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban lãnh đạo:

### 2.1. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

#### 2.1.1 Họ và tên:

**Hồ Quốc Lực**

- Giới tính:

Nam

- Ngày tháng năm sinh:

07/05/1956

<sup>1)</sup> Ông Mã Ích Hưng được bổ sung làm thành viên HĐQT từ tháng 8/2010 và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 ngày 22/04/2011 xem xét thông qua.

- Nơi sinh:	tỉnh Sóc Trăng
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	xã Hòa Đông, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú:	29 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại liên lạc:	(079) 3822223
- Trình độ học vấn:	Tiến sĩ
- Trình độ chuyên môn:	Kinh tế
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1983 – 1986:	Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Thủy sản XNK Hậu Giang
➤ Từ 1986 – 1991:	Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp đông lạnh II Hậu Giang
➤ Từ 1991 – 1992:	Trưởng phòng Nghiệp vụ Xí nghiệp đông lạnh II
➤ Từ 1992 – 1994:	Phó Giám đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
➤ Từ 1994 – 1996:	Trưởng ban quản lý xây dựng cơ sở Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
➤ Từ 1996 – 2003:	Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
➤ Từ 2003 – 2006:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta, Chủ tịch Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)
➤ Từ 2007 – tháng 10/2009:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Tháng 10/2009 – nay :	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta.
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
<b>2.1.2. Họ và tên:</b>	<b>Dương Ngọc Kim</b>
- Giới tính:	Nữ
- Ngày tháng năm sinh:	18/08/1958
- Nơi sinh:	tỉnh Sóc Trăng
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh



- Quê quán:	tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú:	29 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại liên lạc:	(079) 3822203
- Trình độ học vấn:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật, cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1978 – 1986:	Trưởng ca sán xuất tại Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
➤ Từ 1987 – 1992:	Trưởng ca sán xuất tại Xí nghiệp Đông lạnh Cần Thơ (Cafatex)
➤ Từ 1992 – 1995:	Phó Quản đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
➤ Từ 1996 – 1997:	Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
➤ Từ 1997 – 2003:	Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
➤ Từ 2003 – 03/2007:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 04/2007 – 10/2009:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 10/2009 – 16/04/2010:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
<b>2.1.3. Họ và tên:</b>	
- Giới tính:	<b>Phạm Hoàng Việt</b>
- Ngày tháng năm sinh:	Nam
- Nơi sinh:	25/11/1964
- Quốc tịch:	tỉnh Hậu Giang
- Dân tộc:	Việt Nam
- Quê quán:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	tỉnh Hậu Giang
- Điện thoại liên lạc:	D9 Mậu Thân, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (079) 3822201/3822223
- Trình độ học vấn:	Đại học



- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1986 – 1992:	Nhân viên phòng Kinh doanh – Đại lý Yamaha
➤ Từ 1992 – 1996:	Sinh viên trường Đại học Quản trị kinh doanh
➤ Từ 1996 – 04/1997:	Nhân viên phòng Thương mại Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
➤ Từ 04/1997 – 2002:	Trưởng phòng Thương mại Công ty Thực phẩm XNK TH Sóc Trăng
➤ Từ 2003 – 2004:	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 01/2005 – 08/2005:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 01/09/2005 đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
<b>2.1.4 Họ và tên</b>	<b>: Mã Ích Hưng</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	11/02/1970
- Nơi sinh:	phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Hoa
- Quê quán:	tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú:	186 Kinh Xáng, khóm 4, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại liên lạc:	(079) 3822223
- Trình độ học vấn:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 02/1992 – 01/1996:	Công nhân Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
➤ Từ 02/1996 – 07/1997:	Công nhân Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
➤ Từ 08/1998 – 12/2002:	Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng

5.2206  
CÔI  
CỔI  
THỰC  
SẢN  
TRĂNG

➤ Từ 01/2003 – 12/2004:	Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 01/2005 – 05/2006:	Thành viên Ban kiểm soát, Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 06/2006 – 30/11/2008:	Thành viên Ban kiểm soát, Trợ lý Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 12/2008 – 06/2009 :	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 24/07/2009 – 16/04/2010:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 16/04/2010 – 31/07/2010:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao
- Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
<b>2.1.5 Họ và tên:</b>	<b>Tô Minh Chảng</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	12/06/1970
- Nơi sinh:	xã Hòa Đông, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	xã Hòa Đông, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú:	227 Lương Định Của, khóm 1, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại liên lạc:	(079) 3822223
- Trình độ học vấn:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 02/1994 – 09/1997:	Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
➤ Từ 10/1997 – 12/2002:	Nhân viên kế toán Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
➤ Từ 01/2003 – 05/2003:	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 06/2003 – 12/2004:	Kế toán tổng hợp, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 01/2005 – 31/07/2006:	Kế toán tổng hợp, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

➤ Từ 01/08/2006 – 17/08/2006:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 18/08/2006 – nay:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
<b>2.1.6 Họ và tên:</b>	<b>Đinh Văn Thới</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	02/10/1962
- Nơi sinh:	huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	xã Thạnh Thới Thuận, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú:	171A Nguyễn Thị Minh Khai, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại liên lạc:	(079) 3822223
- Trình độ học vấn:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1981– 1986:	Sinh viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh
➤ Từ 1987 – 1990:	Cán bộ kỹ thuật Xưởng cơ khí Nông nghiệp I Hậu Giang, Phó quản đốc phân xưởng cơ khí Xí nghiệp cơ khí Sóc Trăng
➤ Từ 1990 - 1992:	Học ngành máy lạnh tại Trung tâm nghiên cứu thiết bị nhiệt và năng lượng mới – Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh
➤ Từ 1996 - 12/2002:	Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
➤ Từ 01/2003 - 12/2004:	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 2005 – 30/11/2008:	Thành viên Ban Kiểm soát, Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 01/12/2008 – 31/03/2010:	Phó Giám đốc Nhà máy nông sản An San



➤ Từ 01/04/2010 – 16/04/2010 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Chức vụ công tác hiện nay:

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

## **2.2 Ban kiểm soát**

### **2.2.1. Họ và tên:**

- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	08/02/1963
- Nơi sinh:	tỉnh Sóc Trăng
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú:	216 Trần Bình Trọng, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại liên lạc:	(079) 3822826
- Trình độ học vấn:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Tài chính kế toán
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1980 – 1983:	Nhân viên kế toán Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Tân Hương thuộc Sở Thủy sản Hậu Giang
➤ Từ 1983 – 1988:	Nhân viên kế toán Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Tân Hương thuộc Ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy Hậu Giang
➤ Từ 1988 – 1992:	Nhân viên kế toán phòng Tài chính thuộc Ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy Hậu Giang
➤ Từ 1992 – 1996:	Phó phòng Tài chính thuộc Ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy Sóc Trăng
➤ Từ 1996 – 17/08/2006:	Trưởng phòng Tài chính thuộc Văn phòng Tỉnh ủy Sóc Trăng
➤ Từ 18/08/2006 – 11/2007:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta, Trưởng phòng Tài chính thuộc Văn phòng Tỉnh ủy Sóc Trăng
- Chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta, Phó chánh Văn phòng Tỉnh ủy Sóc Trăng
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có



- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có	
<b>2.2.2. Họ và tên:</b>	<b>Lữ Thanh Phú</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	20/09/1971
- Nơi sinh:	huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Địa chỉ thường trú:	229 Lương Định Của, khóm 1, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại liên lạc:	(079) 3822223
- Trình độ học vấn:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư chế biến thủy sản
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 10/1996 – 1997:	KCS Xưởng Chế biến Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
➤ Từ 1997 – 01/1999:	Đội trưởng Đội thành phẩm kiêm Trưởng khâu tôm luộc của Xưởng Chế biến Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
➤ Từ 01/1999 – 12/2002:	Phó Quản đốc Xưởng Chế biến Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
➤ Từ 01/2003 – 12/2004:	Phó phòng Nội vụ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 01/2005 – 15/04/2008:	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Nội vụ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng Nội vụ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
<b>2.2.3 Họ và tên:</b>	<b>Nguyễn Quốc Chiếm</b>
- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	12/02/1964
- Nơi sinh:	xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
- CMND số:	365448373 do CA Sóc Trăng cấp ngày 19/04/2000
- Quốc tịch:	Việt Nam

2200  
CÔN  
CỔ P  
HỤC  
SAO  
TRĂNG

- Dân tộc:	Kinh
- Quê quán:	xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú:	42 Nguyễn Văn Linh, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:	(079) 3822223
- Trình độ văn hóa:	Đại học
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế nông nghiệp
- Quá trình công tác:	
➤ Từ 1988 – 1992:	Cán bộ nghiên cứu Văn phòng UBND Huyện Long Phú
➤ Từ 1993 – 1995:	Phó phòng kinh doanh Công ty Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp tỉnh Sóc Trăng
➤ Từ 1996 – 2005:	Nhân viên phòng kinh doanh Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 2006 – 2007:	Phó phòng kinh doanh Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta
➤ Từ 2008 – 16/04/2010	Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta
- Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
<b>3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: Không có</b>	
<b>4. Quyền lợi của Ban Tổng giám đốc:</b>	
Ban Tổng giám đốc Công ty được hưởng lương khoán sản phẩm đã làm ra trong tháng, về tiền thưởng phụ thuộc vào lợi nhuận cuối năm sau khi đã quyết toán.	
<b>5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:</b>	
Tổng lao động đến 31/12/2010 khoảng 1608 người. Trong đó:	
- Tiến sĩ	: 01 người
- Đại học, cao đẳng	: 86 người
- Trung học chuyên nghiệp	: 65 người
- Công nhân nghề	: 09 người

- Lao động phổ thông : 1447 người

Công ty thực hiện đầy đủ trách nhiệm do luật lao động qui định đối với người lao động như : Tiền lương , thưởng , chế độ BHXH , BHYT .....

**6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch , Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:**

- Thay đổi thành viên HĐQT : Tham khảo khoản 3 mục II.
- Thay thành viên Ban Tổng giám đốc : Từ 01/04/2010, Phó Tổng giám đốc Trần Ngọc Hiệp xin từ chức vì lý do sức khỏe, đồng thời HĐQT bổ nhiệm thêm Ông Đinh Văn Thới giữ chức Phó Tổng giám đốc.
- Thay đổi thành viên trong Ban Kiểm soát: Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009 diễn ra ngày 16/04/2010, đại hội đã thống nhất số thành viên trong Ban Kiểm soát còn 03 thành viên và bầu trúng cử 03 thành viên có tên sau:

1/ Ông Chung Thanh Tâm	Trưởng ban
2/ Ông Lữ Thanh Phú	Thành viên
3/ Ông Nguyễn Quốc Chiếm	Thành viên

**VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty**

**1. Hội đồng quản trị:**

**1.1. Danh sách Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:**

Danh sách đã nêu tại khoản 1.2 mục VII.

**1.2. Hoạt động của HĐQT:**

Trong năm 2010, các hoạt động chủ yếu của Hội đồng quản trị như sau:

- Đánh giá và thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009, đưa ra kế hoạch hoạt động năm 2010.
- Thông qua phương án cải tạo lại nhà xưởng của Công ty.
- Thông qua quy chế tiêu chuẩn các chức danh chủ chốt của Công ty.
- Thông qua việc bán lại cổ phiếu quỹ của công ty theo từng đợt.Thống nhất hình thức và thời gian chi trả cổ tức năm 2009.
- Thông nhất bổ sung thành viên HĐQT ông Mã Ích Hưng,Phó Tổng giám đốc Công ty phụ trách mẫn nguyên liệu và chế biến kể từ tháng 8/2011.
- Định kỳ hàng quý, HĐQT đều họp bàn nhằm đánh giá lại tình hình hoạt động của Công ty, hướng chỉ đạo cụ thể cho những tháng tiếp theo.
- Thông nhất ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty.

### 1.3. Hoạt động của Ban kiểm soát:

## PHẦN THỨ NHẤT

### 1. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS):

Ban Kiểm soát căn cứ kế hoạch tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh để xây dựng nội dung kiểm tra, kiểm soát theo chức trách cổ đông giao.

Năm qua, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ chuyên môn tại các phòng, ban, phân xưởng công ty phối hợp giúp các thành viên Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ;

Định kỳ mỗi quý Ban Kiểm soát họp để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát và xây dựng phương hướng hoạt động của quý sau.

### 2. Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát:

Giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Ban điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN) thực hiện chiến lược phát triển doanh nghiệp.

Ban điều hành đã hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh, mô hình quản lý có định hướng đảm bảo các tiêu chí để công ty phát triển bền vững, mang lại hiệu quả và lợi ích cho cổ đông.

Ban điều hành tận dụng và phát huy tối đa những tài sản hiện có, đồng thời định hướng nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho sản xuất nhằm mang lại hiệu quả tối ưu cho công ty và cổ đông.

### 3. Giám sát Ban điều hành thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ để đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội và bàn các giải pháp thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm, xây dựng định hướng phát triển công ty lâu dài mang tính bền vững.

Hội đồng quản trị định kỳ nghe Ban Tổng giám đốc báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị giao và xem xét giải quyết các kiến nghị, đề ra những bước đi thích hợp với mục tiêu phát triển mang lợi ích xã hội và hiệu quả cho cổ đông.

Nhìn chung năm 2010 doanh nghiệp đầy khó khăn như: nguồn nguyên liệu, vốn tín dụng, giá cả, khách hàng...nhưng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Sao Ta tháo gỡ từng bước vượt qua khó khăn đi đến ổn định phấn đấu thực hiện hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch.

## PHẦN THỨ HAI



## 1. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010:

Báo cáo tài chính năm 2010 được bộ phận kế toán công ty lập, được trình Ban Tổng giám đốc lựa chọn công ty kiểm toán được Đại hội đồng cổ đông chỉ định, kết quả kiểm tra báo cáo tài chính của công ty năm 2010 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Số liệu báo cáo thực hiện		Đạt tỷ lệ %
		Của công ty	Được kiểm toán	
Doanh thu tiêu thụ	1.050.000.000.000	1.477.274.999.305	1.477.274.999.305	140,67
Lợi nhuận trước thuế	20.000.000.000	25.575.976.925	25.582.017.601	127,87
Lợi nhuận sau thuế		25.304.539.139	26.794.300.675	
Tỷ lệ cổ tức	20%	Tạm ứng 15%		

## 2. Bộ máy hoạt động:

Năm 2010 Công ty đã điều chỉnh sắp xếp phân công lại Ban lãnh đạo công ty cho phù hợp với chiến lược phát triển công ty.

Việc tổ chức tuyển dụng lao động công khai theo đúng quy trình cụ thể thông qua các kênh báo, đài đưa ra tiêu chí theo yêu cầu công việc;

Về chính sách người lao động thực hiện đầy đủ, chi trả lương kịp thời, phụ cấp độc hại, trang cấp bảo hộ lao động theo quy định hiện hành;

Nhìn chung năm qua nguồn nhân sự biến động luôn thiếu hụt lượng công nhân làm cho việc tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực khó khăn.

## 3. Các phân xưởng chế biến:

Công tác vận hành thiết bị hoạt động an toàn, phát huy được hiệu suất cao, không xảy ra sự cố ảnh hưởng đến sản xuất;

Công tác bảo trì tổ chức thực hiện tốt đúng định kỳ phù hợp với các tiêu chuẩn quy định, chi phí bảo trì nằm trong định mức dự toán;

Về quản lý định mức nguyên vật liệu có xây dựng quy trình nhập - xuất chặt chẽ, đồng thời tận dụng một số vật tư, thiết bị cũ để điều chuyển nơi khác sử dụng cho phù hợp với công năng đáp ứng cho yêu cầu sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí mua sắm.

Năm 2010 Hội đồng quản trị phê duyệt phương án nâng cấp thiết bị đã phát huy được hiệu quả trong đầu tư đã tiết kiệm năng lượng và chất lượng thành phẩm tốt hơn, cạnh tranh hơn, tạo ra động lực trong sản xuất và kinh doanh vượt chỉ tiêu kế hoạch.

## 4. Về quản lý nguyên liệu và thành phẩm:

Công ty tổ chức giám sát kiểm tra các tiêu chuẩn vi kháng sinh trước khi nhập nguyên liệu chế biến theo tiêu chí vệ sinh an toàn thực phẩm, do đó chưa có lô hàng nào bị từ chối như những năm trước đây.

#### Nhận xét tình hình chung:

Năm 2010 tình hình Công ty sản xuất kinh doanh đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch trong bối cảnh kinh tế toàn cầu diễn biến vô cùng phức tạp làm ảnh hưởng đến xuất khẩu ngành thuỷ sản cụ thể những tháng cuối năm tại thị trường Nhật Bản.

Với sự nỗ lực và quyết tâm của Hội đồng quản trị, trực tiếp là Ban điều hành công ty đã phấn đấu để hoàn thành vượt chỉ tiêu đại hội đồng cổ đông giao.

Các chỉ tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm ngày nâng cao và hệ thống Maketing của công ty ổn định và phát triển giám sát tốt nguồn nguyên liệu đầu vào chặt chẽ;

Tình hình nguyên liệu biến động phức tạp nhất là chất lượng, đồng thời khi vào vụ tôm có lúc nguyên liệu nhiều nhưng sản xuất tăng không đáng kể vì lực lượng công nhân có hạn, những lúc nguồn nguyên liệu ít công ty phải bù quỹ tiền lương trợ giá nhằm đảm bảo thu nhập của công nhân để giữ được số lao động ổn định, dẫn đến chi phí luôn biến động tăng.

Nhìn chung, báo cáo năm 2010 các hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và theo kết quả báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần thực phẩm Sao Ta được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS). Ban kiểm soát với tư cách đại diện cổ đông thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát xin xác nhận báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý với tình hình tài chính theo đúng các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

#### 1.4. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- Hoạch định chiến lược sản phẩm, thị trường, dẫn đến hoạch định cơ sở vật chất tương ứng.
- Hoạch định chiến lược kinh doanh và hệ thống giải pháp tương ứng, coi chiến lược kinh doanh là đòn bẩy, nền tảng xây dựng chiến lược các mặt hoạt động khác.
- Hoạch định chính sách lao động nhằm bảo đảm đủ nhân lực đáp ứng thực hiện chiến lược kinh doanh.
- Trên nền tảng chiến lược kinh doanh, theo yêu cầu của Sở Giao dịch chứng khoán (nếu có) và diễn biến của thị trường chứng khoán sẽ tính toán tăng vốn điều lệ nhằm có nguồn vốn phục vụ chiến lược kinh doanh cũng như theo các qui định về vốn điều lệ các doanh nghiệp đáp ứng cổ phiếu được phép niêm yết và giao tại tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (nếu có).

#### 1.5. Thủ tục, các khoản lợi ích khác:

Tiền thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2010 như sau:

Hồ Quốc Lực	Chủ tịch	: 64.500.000 đồng
Dương Ngọc Kim	thành viên	: 10.500.000 đồng
Phạm Hoàng Việt	thành viên	: 42.000.000 đồng
Tô Minh Chǎng	thành viên	: 42.000.000 đồng
Đinh Văn Thới	thành viên	: 27.000.000 đồng
Mã Ích Hưng	thành viên	: 25.500.000 đồng
Trần Ngọc Hiệp	thành viên	: 7.500.000 đồng
Huỳnh Quốc Minh	thành viên	: 7.500.000 đồng
Chung Thanh Tâm	Trưởng BKS	: 40.500.000 đồng
Lữ Thanh Phú	thành viên	: 22.500.000 đồng
Nguyễn Quốc Chiếm	Thành viên	: 22.500.000 đồng
Hoàng Thanh Vũ	thành viên	: 4.500.000 đồng
Thơ ký		: 6.000.000 đồng
<b>Tổng cộng</b>		<b>322.500.000 đồng.</b>

**1.6. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT (tính đến ngày 25/03/2011)**

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	Hồ Quốc Lực (*)	Chủ tịch	1.405.500	17,57
02	Phạm Hoàng Việt	P. Chủ tịch	27.500	0,34
03	Tô Minh Chǎng	Thành viên	10.400	0,13
04	Mã Ích Hưng	Thành viên	9.700	0,12
05	Đinh Văn Thới	Thành viên	9.500	0,12
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.462.600</b>	<b>18,28</b>

**Ghi chú:** (\*) trong đó Vốn Nhà nước là 1.380.000 cổ phần.

**1.7. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không.**

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (tính đến ngày 25/03/2011)

### 2.1. Cổ đông trong nước

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Số tiền theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước	1	1.380.000	13.800.000.000	17,25
2. Cổ đông là pháp nhân	13	1.946.605	19.466.050.000	24,33
3. Cổ đông là cá nhân	1.062	4.130.260	41.302.600.000	51,63
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.076</b>	<b>7.456.865</b>	<b>74.568.650.000</b>	<b>93,21</b>

Trong đó các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên như sau:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Văn phòng tỉnh uỷ tỉnh Sóc Trăng	247 Nguyễn Trung Trực, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh ST	17,25
2	Quách Hoàng Phong	66 Nam Hà, Xuân bảo, Cẩm Mỹ, Đồng Nai.	6,17
3	Trần Văn Tuấn	67 Tâm Phước, Đại Tâm Mỹ Xuyên Sóc Trăng	5,54
4	AQUATEX BENTRE	Ấp 9, Xã Tân Thạnh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre	5,40
	<b>Tổng cộng</b>		<b>34,36</b>

### 2.2. Cổ đông nước ngoài :

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Số tiền theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông là pháp nhân	5	213.215	2.132.150.000	2,67
2. Cổ đông là cá nhân	70	329.920	3.299.200.000	4,12
<b>Tổng cộng</b>	<b>75</b>	<b>543.135</b>	<b>5.431.350.000</b>	<b>6,79</b>

Trong đó các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên như sau: Không có

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 04 năm 2011  
**TM.CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**HỒ QUỐC LỰC**

2002  
CÔNG  
CỔ PH  
ƯƠNG  
SAO TA



Member of JHI International

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 8428
Giờ.....	Ngày 11 tháng 05 năm 2011

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TÀ (FIMEX VN)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010



### Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)  
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ JHI  
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Tel: (08) 38205944- 38205947; Fax: (08) 38205942

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán	5 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 9
- Kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 27

3050  
ÔNG  
LÃNH  
H VỤ  
HÌNH  
KIỂM  
HÍA  
TP. H

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

### Công ty

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 09/10/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200208753 đăng ký lần đầu ngày 19/12/2002; sửa đổi lần thứ 10 ngày 03/11/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến; Nuôi trồng thủy sản; Mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Giao thông, sản xuất, xuất khẩu và tiêu thụ nội địa hàng nông sản.

Trụ sở chính của Công ty : Km 2132 Quốc lộ 1A, phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

### Hình thức sở hữu vốn:

Do các cổ đông là pháp nhân và thẻ nhân góp vốn, vốn điều lệ của Công ty được xác định vào thời điểm 31/12/2010 là 80.000.000.000 VND (Tám mươi tỷ đồng chẵn).

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 là 26.794.300.675 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2009 lợi nhuận sau thuế là 13.962.491.160 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2010 là 27.758.746.675 VND (Năm 2009 lợi nhuận chưa phân phối là 13.966.937.160 VND).

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2010 - 2015 bao gồm:

Ông HỒ QUỐC LỰC	Chủ tịch
Ông PHẠM HOÀNG VIỆT	Phó Chủ tịch
Ông TÔ MINH CHĂNG	Uỷ viên
Ông ĐINH VĂN THÓI	Uỷ viên
Ông MÃ ÍCH HƯNG	Uỷ viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc bao gồm:

Ông HỒ QUỐC LỰC	Tổng giám đốc
Bà DƯƠNG NGỌC KIM	Phó Tổng giám đốc
Ông PHẠM HOÀNG VIỆT	Phó Tổng giám đốc
Ông TRẦN NGỌC HIỆP	Phó Tổng giám đốc (Từ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2010)

Ông MÃ ÍCH HƯNG  
Ông ĐINH VĂN THÓI

Phó Tổng giám đốc  
Phó Tổng giám đốc (Bắt nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2010)

Các thành viên của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010 - 2015 bao gồm:

Ông CHUNG THANH TÂM Trưởng ban  
Ông LŨ THANH PHÚ Thành viên  
Ông NGUYỄN QUỐC CHIÉM Thành viên

Kế toán trưởng Ông TÔ MINH CHĂNG

Kiểm toán viên

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

#### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.



Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 03 năm 2011

TM. Hội đồng Quản trị



Hồ Quốc Lực

Chủ tịch HĐQT

Kiêm Tổng giám đốc

Số 103./BCKT-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA (FIMEX VN)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN) được lập ngày 24/01/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN) tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)  
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2011

Kiểm toán viên điều hành



LÊ VĂN TUẤN  
CPA số: 0479/KTV

PHÙNG NGỌC TOÀN  
CPA số: 0335/KTV

## BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
<b>TÀI SẢN</b>					
<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>379.761.514.665</b>	<b>505.691.248.415</b>	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	03	<b>40.590.243.550</b>	<b>282.929.316.898</b>	
1. Tiền	111		40.590.243.550	119.661.941.898	
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	163.267.375.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		<b>90.080.338.572</b>	<b>57.652.179.817</b>	
1. Phải thu khách hàng	131		72.815.542.274	50.376.985.181	
2. Trả trước cho người bán	132		25.798.881.006	7.078.812.510	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-	
5. Các khoản phải thu khác	138	04	4.619.323.233	3.074.311.923	
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(13.153.407.941)	(2.877.929.797)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>243.228.288.014</b>	<b>161.158.494.649</b>	
1. Hàng tồn kho	141	05	243.228.288.014	161.158.494.649	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.862.644.529</b>	<b>3.951.257.051</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		201.702.288	66.002.540	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.029.599.280	3.512.087.655	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	06	631.342.961	373.166.856	



## BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>122.211.730.812</b>	<b>117.716.163.232</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		<b>93.976.925.632</b>	<b>86.035.349.640</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	07	70.133.471.941	67.059.002.107
- Nguyên giá	222		233.138.819.815	224.982.965.499
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(163.005.347.874)	(157.923.963.392)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	08	2.861.527.953	2.888.477.533
- Nguyên giá	228		3.228.583.100	3.172.583.100
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(367.055.147)	(284.105.567)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	09	20.981.925.738	16.087.870.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		<b>14.880.000.000</b>	<b>15.240.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	10	24.800.000.000	25.160.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		(9.920.000.000)	(9.920.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		<b>13.354.805.180</b>	<b>16.440.813.592</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	13.354.805.180	16.440.813.592
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>501.973.245.477</b>	<b>623.407.411.647</b>



## BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
<b>NGUỒN VỐN</b>					
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>335.788.079.696</b>	<b>473.406.325.673</b>	
I. Nợ ngắn hạn	310		<b>335.258.079.696</b>	<b>472.846.325.673</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	305.850.448.000	452.874.000.000	
2. Phải trả người bán	312		10.782.360.412	5.696.051.136	
3. Người mua trả tiền trước	313		455.770.200	172.055.323	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	959.918.015	2.392.381.390	
5. Phải trả người lao động	315		11.887.368.190	6.803.781.633	
6. Chi phí phải trả	316	14	2.850.178.937	1.244.072.490	
7. Phải trả nội bộ	317		-	-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	2.349.280.702	1.625.716.629	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		122.755.240	2.038.267.072	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>530.000.000</b>	<b>560.000.000</b>	
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-	
3. Phải trả dài hạn khác	333	16	530.000.000	560.000.000	
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-	
<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>166.185.165.781</b>	<b>150.001.085.974</b>	
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	<b>166.185.165.781</b>	<b>150.001.085.974</b>	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.265.680.227	34.200.000.000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-	
4. Cổ phiếu quỹ	414		(10.603.009.370)	(10.835.225.761)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		26.999.023.239	25.602.774.123	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.764.725.010	7.066.600.452	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27.758.746.675	13.966.937.160	
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-	
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	430		-	-	
1. Nguồn kinh phí	432		-	-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	440		<b>501.973.245.477</b>	<b>623.407.411.647</b>	

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký Ước		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		466.363,72	6.066.628,85
- EUR		292,45	297,12
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Lưu Nguyễn Trúc Dung

Kế toán trưởng

Tô Minh Chảng

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2011

Tổng giám đốc



Hồ Quốc Lực



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.477.274.999.305	940.084.023.992
2.	Các khoản giảm trừ	02	19	7.253.988.126	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	1.470.021.011.179	940.084.023.992
4.	Giá vốn hàng bán	11	21	1.369.099.274.945	889.302.863.050
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.921.736.234	50.781.160.942
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	19.131.595.455	38.370.744.832
7.	Chi phí tài chính	22	23	27.233.434.567	27.340.317.887
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		20.711.146.874	19.445.164.724
8.	Chi phí bán hàng	24		43.692.691.837	32.804.372.022
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.777.882.674	13.389.161.202
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.349.322.611	15.618.054.663
11.	Thu nhập khác	31		2.159.478.163	87.108.754
12.	Chi phí khác	32		926.783.173	-
13.	Lợi nhuận khác	40		1.232.694.990	87.108.754
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.582.017.601	15.705.163.417
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	(1.212.283.074)	1.742.672.257
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.794.300.675	13.962.491.160
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	3.717	1.890

Người lập biểu

Lưu Nguyễn Trúc Dung

Kế toán trưởng

Tô Minh Chảng

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2011

Tổng giám đốc



Hồ Quốc Lực

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2010**  
*(Theo phương pháp giản tiếp)*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	1		
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>		<b>25.582.017.601</b>	<b>15.705.163.417</b>
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
1. Khấu hao tài sản cố định	2	14.198.690.827	14.592.154.527
2. Các khoản dự phòng	3	10.275.478.144	6.724.120.580
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(582.176.429)	(3.774.797.323)
4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(5.028.819.947)	(15.502.545.503)
5. Chi phí lãi vay	6	20.711.146.874	19.445.164.724
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	8	<b>65.156.337.070</b>	<b>37.189.260.422</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(44.620.586.425)	36.806.770.537
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(82.069.793.365)	(49.246.428.417)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.940.167.503	(4.080.815.690)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.950.308.664	4.628.510.864
- Tiền lãi vay đã trả	13	(20.765.418.123)	(19.445.164.724)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(178.085.653)	(85.147.938)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	96.822.002	7.133.385.084
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.587.103.654)	(6.876.609.118)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<b>(69.077.351.981)</b>	<b>6.023.761.020</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.726.679.328)	(19.221.247.949)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.125.636.363	60.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	5.028.819.947	15.502.545.503
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<b>(10.572.223.018)</b>	<b>(3.658.702.446)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2010**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(6.171.388.576)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.130.338.612.289	1.093.695.521.312
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.284.133.764.009)	(802.840.027.230)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.637.240.000)	(9.115.236.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(162.432.391.720)</b>	<b>276.568.869.506</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(242.081.966.719)</b>	<b>278.933.928.080</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>282.929.316.898</b>	<b>1.251.425.338</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(257.106.629)	2.743.963.480
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>40.590.243.550</b>	<b>282.929.316.898</b>

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2011

Tổng giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lưu Nguyễn Trúc Dung

Tô Minh Chẳng



Hồ Quốc Lực

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 09/10/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200208753 đăng ký lần đầu ngày 19/12/2002; sửa đổi lần thứ 10 ngày 03/11/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến; Nuôi trồng thủy sản; Mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Gieo trồng, sản xuất, xuất khẩu và tiêu thụ nội địa hàng nông sản.

Trụ sở chính của Công ty : Km 2132 Quốc lộ 1A, phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

**Hình thức sở hữu vốn:**

Do các cổ đông là pháp nhân và thẻ nhân góp vốn, vốn điều lệ của Công ty được xác định vào thời điểm 31/12/2010 là 80.000.000.000 VND (Tám mươi tỷ đồng chẵn).

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của Ngân hàng mà Công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:

- Đối với thành phẩm, do đặc điểm của ngành thủy sản, giá thay đổi theo mùa vụ, theo thị trường Thế giới không ổn định, nên để thận trọng, Công ty xác định giá trị thành phẩm tồn kho theo tỷ lệ dựa trên giá bán thực tế;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

- Đối với thành phẩm áp dụng phương pháp kê khai định kỳ;
- Đối với vật tư, CCDC và nguyên vật liệu áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 05-12 năm
- Máy móc, thiết bị : 04-07 năm
- Phương tiện vận tải : 06-08 năm
- Thiết bị văn phòng : 04-07 năm
- Các tài sản khác : 04-07 năm
- Quyền sử dụng đất : 39-50 năm
- Phần mềm quản lý : 06 năm
- TSCĐ vô hình khác : 06 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

02050  
CÔNG  
CH NHẬM  
CH VỤ T  
CHÍNH  
VÀ KIỂM  
PHÁ  
TP. H

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.



#### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Các chi phí được phân bổ theo thời gian hữu ích của tài sản.

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bão hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bồ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đí vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

020506  
CÔNG T  
CHNIÊM H  
CH VỤ T  
CHÍNH K  
VÀ KIỂM T  
PHIÁ N  
TP. HỒ

<b>3. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	914.591.264	552.508.681
- VND	725.661.320	283.191.763
- Ngoại tệ (USD)	188.929.944	269.316.918
Tiền gửi ngân hàng	39.675.652.286	119.109.433.217
Tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	163.267.375.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.590.243.550</b>	<b>282.929.316.898</b>
<b>4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC</b>	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công đoàn Công ty	2.799.000.000	-
Phải thu khác	1.820.323.233	3.074.311.923
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.619.323.233</b>	<b>3.074.311.923</b>
<b>5. HÀNG TỒN KHO</b>	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.691.519.349	7.957.352.151
Công cụ, dụng cụ	8.375.888.680	6.194.299.372
Thành phẩm	227.160.879.985	147.006.843.126
<b>Tổng cộng</b>	<b>243.228.288.014</b>	<b>161.158.494.649</b>
<b>6. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC</b>	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	602.588.961	344.412.856
Thẻ chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	28.754.000	28.754.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>631.342.961</b>	<b>373.166.856</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TÀ (FIMEX VN)  
Km 2132 Quốc lộ 1A, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

**7. TĂNG GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Báo cáo tài chính  
Km 2132 Quốc lộ 1A, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	62.216.763.201	140.409.087.901	12.346.758.382	4.576.013.732	5.434.342.283	224.982.965.499
2. Số tăng trong kỳ	-	17.390.202.212	-	10.500.000	-	17.400.702.212
Bao gồm:						
- Mua sắm mới	-	16.705.999.943	-	10.500.000	-	16.716.499.943
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	684.202.269	-	-	-	684.202.269
3. Số giảm trong kỳ	-	9.244.847.896	-	-	-	9.244.847.896
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán	-	9.244.847.896	-	-	-	9.244.847.896
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	62.216.763.201	148.554.442.217	12.346.758.382	4.586.513.732	5.434.342.283	233.138.819.815
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	36.569.119.661	104.469.156.690	7.932.072.722	3.626.566.730	5.327.047.589	157.923.963.392
2. Khäu hao trong kỳ	4.523.621.781	8.372.153.092	977.917.076	220.973.779	21.075.519	14.115.741.247
3. Giảm trong kỳ	-	9.034.356.765	-	-	-	9.034.356.765
Gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán	-	9.029.857.146	-	-	-	9.029.857.146
- Giảm khác	-	4.499.619	-	-	-	4.499.619
4. Số dư cuối kỳ	41.092.741.442	103.806.953.017	8.909.989.798	3.847.540.509	5.348.123.108	163.005.347.874
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>						
1. Tại ngày đầu năm	25.647.643.540	35.939.931.211	4.414.685.660	949.447.002	107.294.694	67.059.002.107
2. Tại ngày cuối kỳ	21.124.021.759	44.747.489.200	3.436.768.584	738.973.223	86.219.175	70.133.471.941

\* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 đồng.

\* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 109.972.267.671 đồng.

\* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đ

\* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: 0 đ



### 8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	TSCĐ khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số dư đầu năm	3.004.785.900	96.500.000	71.297.200	<b>3.172.583.100</b>	
2. Số tăng trong năm	-	56.000.000	-	<b>56.000.000</b>	
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	-	56.000.000	-	<b>56.000.000</b>	
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-	
- Tăng do hợp nhất KD	-	-	-	-	
- Tăng khác	-	-	-	-	
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	
4. Số dư cuối năm	3.004.785.900	152.500.000	71.297.200	<b>3.228.583.100</b>	
<b>II. Giá trị hao mòn luỹ kế</b>					
1. Số dư đầu năm	177.847.577	66.879.951	39.378.039	<b>284.105.567</b>	
2. Số tăng trong năm	60.743.520	13.993.608	8.212.452	<b>82.949.580</b>	
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	
4. Số dư cuối năm	238.591.097	80.873.559	47.590.491	<b>367.055.147</b>	
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	2.826.938.323	29.620.049	31.919.161	<b>2.888.477.533</b>	
2. Tại ngày cuối năm	2.766.194.803	71.626.441	23.706.709	<b>2.861.527.953</b>	

### 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dờ dang</b>		
- Nhà máy chế biến cá Cụm CN Cái Côn	15.667.000.000	15.667.000.000
- Cải tạo nâng cấp phần đọng sương phân xưởng 4	-	420.870.000
- Máy đá vẩy xưởng 1	555.326.743	-
- Máy nén trực vít xưởng 1 & xưởng 4	889.985.942	-
- Lắp kho lạnh 4.000 tấn (Khu công nghiệp An Nghiệp)	3.869.613.053	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.981.925.738</b>	<b>16.087.870.000</b>

**10 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công trái giáo dục	-	360.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp Sóc Trăng	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế biến Gạo Sóc Trăng	400.000.000	400.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải	14.400.000.000	14.400.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác	(9.920.000.000)	(9.920.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.880.000.000</b>	<b>15.240.000.000</b>

**11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Lợi thế thương mại	6.706.907.788	8.163.772.432
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.203.630.543	392.342.460
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.444.266.849	7.884.698.700
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.354.805.180</b>	<b>16.440.813.592</b>

**12 VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn		
- Vay VND		
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	287.600.000.000	452.874.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển-CN Sóc Trăng	28.300.000.000	66.584.000.000
+ Ngân hàng Công thương Việt Nam-CN Sóc Trăng	107.300.000.000	171.390.000.000
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam-CN Sóc Trăng	54.000.000.000	20.000.000.000
- Vay USD		
+ Ngân hàng Công thương Việt Nam-CN Sóc Trăng	98.000.000.000	194.900.000.000
+ Ngân hàng Ngoại thương-CN Sóc Trăng	18.250.448.000	18.250.448.000
+ Ngân hàng Eximbank - Cái khé(TP Cần Thơ)	-	-
+ CK tại Ngân hàng Hồng Kông - Thương Hải (TPHCM )	-	-
+ Ngân hàng NN&PTNT-CN Sóc Trăng	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>305.850.448.000</b>	<b>452.874.000.000</b>

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	196.533.558	1.707.235.435
Thuế thu nhập cá nhân	763.384.457	685.145.955
<b>Tổng cộng</b>	<b>959.918.015</b>	<b>2.392.381.390</b>

**Ghi chú :** (\*) Công ty đang tiếp tục áp dụng chính sách ưu đãi về Thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ như sau :

- Được áp dụng suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trong 12 năm (2002-2013);
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm (2003-2005);
- Được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 07 năm (2006-2012).
- Giảm thêm 20% khi đạt tỷ lệ xuất khẩu trên 50% cho đến hết 2011;
- Giảm thêm 25% khi đạt tỷ lệ xuất khẩu trên 50% và thuộc danh mục B.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết toán của Cơ quan thuế.

#### 14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cước tàu chưa thanh toán	2.396.225.196	725.251.836
Chi phí phải trả khác	453.953.741	518.820.654
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.850.178.937</b>	<b>1.244.072.490</b>

#### 15 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.803.891.200	1.381.140.884
Bảo hiểm xã hội	-	-
Cỗ tức phải trả	97.940.000	95.660.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	447.449.502	148.915.745
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.349.280.702</b>	<b>1.625.716.629</b>

#### 16 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	530.000.000	560.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>530.000.000</b>	<b>560.000.000</b>



17 Vốn chủ sở hữu

a) *Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phiếu quỹ	Quy định tư phát triển	Quy định phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công
Số dư đầu năm trước	79.000.000	34.200.000.000	(4.663.837.185)	25.601.174.123	6.459.051.408	12.155.426.884
Tăng vốn trong năm trước	1.000.000.000	-	(6.171.388.576)	-	607.549.044	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	(4.563.839.532)
Tăng khác	-	-	-	1.600.000	-	13.962.491.160
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	1.600.000
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>34.200.000.000</b>	<b>(10.835.225.761)</b>	<b>25.602.774.123</b>	<b>7.066.600.452</b>	<b>13.966.937.160</b>
						(12.150.980.884)
Tăng vốn trong kỳ	-	65.680.227	-	1.396.249.116	698.124.558	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	2.160.053.901
Tăng khác	-	-	-	-	26.794.300.675	26.794.300.675
Giảm vốn trong kỳ	-	-	232.216.391	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	232.216.391
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>34.265.680.227</b>	<b>(10.603.009.370)</b>	<b>26.999.023.239</b>	<b>7.764.725.010</b>	<b>27.758.746.675</b>
						(13.002.491.160)
						(13.002.491.160)
						166.185.165.781

060889  
CÔNG TY  
NIỆM HÓA  
VŨNG TÀU  
23  
NHỊ KẾ TOÁN  
KIỂM TOÁN  
HÀ NAM  
P. HỒ C

**17 Vốn chủ sở hữu**

*b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Cuối năm VND	Đầu năm VND		
Vốn góp của Nhà nước	13.800.000.000	17%	13.800.000.000	17%
Vốn góp của các đối tượng khác	66.200.000.000	83%	66.200.000.000	83%
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100%</b>

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

- Số lượng cổ phiếu quỹ

782.370

800.000

*c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	79.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	1.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.637.240.000	9.115.236.000

*d) Cổ tức*

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- 12%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

*e) Cổ phiếu*

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	782.370	800.000
- Cổ phiếu phổ thông	782.370	800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.217.630	7.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.217.630	7.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/Cổ phiếu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.999.023.239	25.602.774.123
Quỹ dự phòng tài chính	7.764.725.010	7.066.600.452
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-



**18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu xuất khẩu	1.415.524.644.947	918.542.798.120
Doanh thu bán hàng nội địa	61.750.354.358	21.541.225.872
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.477.274.999.305</b>	<b>940.084.023.992</b>

**19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	7.253.988.126	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.253.988.126</b>	<b>-</b>

**20. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu xuất khẩu	1.408.270.656.821	918.542.798.120
Doanh thu bán hàng nội địa	61.750.354.358	21.541.225.872
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.470.021.011.179</b>	<b>940.084.023.992</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm, DV đã cung cấp	1.369.099.274.945	889.302.863.050
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.369.099.274.945</b>	<b>889.302.863.050</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.277.003.542	14.942.545.503
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Cỗ tức, lợi nhuận được chia	210.000.000	560.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.353.249.399	19.093.402.006
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	691.245.410	3.774.797.323
Doanh thu hoạt động tài chính khác	600.097.104	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.131.595.455</b>	<b>38.370.744.832</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	20.711.146.874	19.445.164.724
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.069.177.871	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	578.939.668	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	4.920.000.000



Chi phí tài chính khác	1.874.170.154	2.975.153.163
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.233.434.567</b>	<b>27.340.317.887</b>
<b>24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	278.843.995	1.742.672.257
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(1.491.127.069)	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>(1.212.283.074)</b>	<b>1.742.672.257</b>
<b>25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.794.300.675	13.962.491.160
Số bình quân giá quyền cổ phiếu phổ thông	7.208.453	7.389.403
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.717	1.890
<b>26. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ</b>		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.346.680.993.666	833.767.524.458
Chi phí nhân công	89.310.887.257	63.750.800.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.198.690.827	14.592.154.527
Chi phí mua ngoài	44.379.207.221	32.133.608.252
Chi phí khác bằng tiền	57.333.895.040	42.991.493.621
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.551.903.674.011</b>	<b>987.235.581.405</b>
<b>27. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT &amp; BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền lương	1.593.797.160	1.042.635.000
Thú lao	423.500.000	360.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.017.297.160</b>	<b>1.402.635.000</b>
<b>28. THÔNG TIN KHÁC</b>		
<b>Số liệu so sánh</b>		
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được Công ty Kiểm toán AASCS kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.		
Số liệu đầu năm của Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng của Ban điều hành đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.		

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2011

Người lập biếu

Lưu Nguyễn Trúc Dung

Kế toán trưởng

Tô Minh Chẳng

Tổng giám đốc



Hồ Quốc Lực

